

HỘI ĐỒNG KIỂM TRA, SÁT HẠCH 184

**DANH SÁCH PHÒNG THI VÒNG 2 KỲ TIẾP NHẬN VÀO LÀM VIÊN CHỨC
TẠI VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH BÌNH PHƯỚC NĂM 2024**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 23 /QĐ-HĐ184 ngày 06/11/2024 của Hội đồng kiểm tra, sát hạch 184)

Vị trí việc làm: Chuyên viên Hành chính - Văn phòng
(Phòng thi số 01)

TT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Đơn vị dự tuyển		Số điểm bài thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
				Nam	Nữ	Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2				
1	HC01	Nguyễn Thị Vân	Anh		26/11/1988	Bộ phận HC-TH (CN VPĐKĐĐ TX Bình Long)	Bộ phận HC-TH (CN VPĐKĐĐ h. Hớn Quản)	71	1,5	72,5	UV BCH Công đoàn cơ sở
2	HC02	Vương Ngọc	Ánh		11/03/1994	Tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận HC-TH (CN VPĐKĐĐ TP. Đồng Xoài)	P.HC-TH (VPĐKĐĐ tỉnh)	82		82	
3	HC03	Bùi Thị Kim	Chi		31/03/1992	Bộ phận HC-TH (CN VPĐKĐĐ h.Hớn Quản)	Bộ phận HC-TH (CN VPĐKĐĐ TX Bình Long)	76,5		76,5	
4	HC04	Nguyễn Văn	Chinh	07/06/1988		Bộ phận HC-TH (CN VPĐKĐĐ TP. Đồng Xoài)	Không	82		82	
5	HC05	Hà Thị Kim	Dung		20/02/1986	Bộ phận HC-TH (CN VPĐKĐĐ TX Bình Long)	Bộ phận HC-TH (CN VPĐKĐĐ h. Hớn Quản)	76		76	
6	HC06	Phạm Tiến	Dũng	20/09/1987		Bộ phận HC-TH (CN VPĐKĐĐ h. Bù Đăng)	Không	74	1,5	75,5	Phó CT Công đoàn cơ sở
7	HC07	Đào Thị	Duyên		30/08/1984	Bộ phận HC-TH (CN VPĐKĐĐ TP. Đồng Xoài)	Không	68	1,5	69,5	UV BCH Công đoàn cơ sở
8	HC08	Phạm Văn	Đạt	18/7/1996		Bộ phận HC-TH (CN VPĐKĐĐ h. Lộc Ninh)	Bộ phận HC-TH (CN VPĐKĐĐ TX Bình Long)	73		73	
9	HC09	Nguyễn Sĩ	Đức	15/3/1983		Bộ phận HC-TH (CN VPĐKĐĐ h. Đồng Phú)	Không	71		71	
10	HC10	Nguyễn Bảo	Giang	11/04/1987		Bộ phận HC-TH (CN VPĐKĐĐ h. Phú Riềng)	Không	70	1,5	71,5	UV BCH Công đoàn cơ sở
11	HC11	Lê Đình	Hòa	01/01/1991		Tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận HC-TH (CN VPĐKĐĐ TX Chơn Thành)	Tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận HC-TH (CN VPĐKĐĐ h. Hớn Quản)	81,5		81,5	
12	HC12	Trần Viết	Hung	14/09/1990		Bộ phận HC-TH (CN VPĐKĐĐ TP. Đồng Xoài)	Không	71		71	
13	HC13	Nguyễn Thị	Hương		14/01/1983	Bộ phận HC-TH (CN VPĐKĐĐ TP. Đồng Xoài)	Không	76	5	81	Con thương binh hạng 1/4
14	HC14	Lê Như	Lễ	01/06/1985		Bộ phận HC-TH (CN VPĐKĐĐ TX Phước Long)	Bộ phận HC-TH (CN VPĐKĐĐ h. Bù Gia Mập)	75		75	
15	HC15	Vũ Thị Phượng	Liên		08/07/1987	Bộ phận HC-TH (CN VPĐKĐĐ TP. Đồng Xoài)	Không	86		86	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Đơn vị dự tuyển		Số điểm bài thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
				Nam	Nữ	Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2				
16	HC16	Nguyễn Thị	Loan		18/12/1995	Bộ phận HC-TH (CN VPĐKĐĐ h. Đồng Phú)	Không	79		79	
17	HC17	Nguyễn Thị	Long		17/10/1995	Tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận HC-TH (CN VPĐKĐĐ h. Bù Gia Mập)	Không	77		77	
18	HC18	Lê Thị	Lý		06/05/1989	Tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận HC-TH (CN VPĐKĐĐ h. Đồng Phú)	Tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận HC-TH (CN VPĐKĐĐ h. Phú Riêng)	77	5	82	Con của người bị nhiễm chất độc hóa học do Mỹ sử dụng trong chiến tranh Việt Nam
19	HC19	Lưu Thị Trà	My		19/07/1993	Tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận HC-TH (CN VPĐKĐĐ h. Phú Riêng)	Không	79		79	
20	HC20	Võ Thị	Ngân		10/02/1991	Bộ phận HC-TH (CN VPĐKĐĐ h. Đồng Phú)	Bộ phận HC-TH (CN VPĐKĐĐ TP. Đồng Xoài)	76		76	
21	HC21	Phan Kim	Ngân	12/05/1990		Bộ phận HC-TH (CN VPĐKĐĐ TX Bình Long)	Bộ phận HC-TH (CN VPĐKĐĐ h. Hớn Quản)	75,5		75,5	
22	HC22	Lê Xuân	Nghĩa	20/02/1991		Bộ phận HC-TH (CN VPĐKĐĐ h. Hớn Quản)	Bộ phận HC-TH (CN VPĐKĐĐ TX Chơn Thành)	74		74	
23	HC23	Đào Thanh	Nhã	12/06/1986		Bộ phận HC-TH (CN VPĐKĐĐ h. Bù Đăng)	Không	62		62	
24	HC24	Trần Hữu	Quân	08/07/1983		Tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận HC-TH (CN VPĐKĐĐ h. Phú Riêng)	Không	59		59	
25	HC25	Nguyễn Thị	Quý		10/03/1980	P.HC-TH (VPĐKĐĐ tỉnh)	Bộ phận HC-TH (CN VPĐKĐĐ h. Đồng Phú)	72	5	77	Con thương binh 3/4
26	HC26	Ngô Thị Thu	Sương		18/10/1993	Tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận HC-TH (CN VPĐKĐĐ h. Phú Riêng)	Không	75		75	
27	HC27	Đặng Chí	Tinh	02/08/1986		Bộ phận HC-TH (CN VPĐKĐĐ h. Bù Gia Mập)	Không	70	1,5	71,5	Phó CT Công đoàn cơ sở
28	HC28	Trần Thanh	Tú		21/04/1994	Tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận HC-TH (CN VPĐKĐĐ h. Phú Riêng)	Không	70	5	75	Con thương binh
29	HC29	Đàm Quang	Tuấn	04/06/1991		Tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận HC-TH (CN VPĐKĐĐ h. Phú Riêng)	Không	76		76	
30	HC30	Nguyễn Thị Phương	Tuyền		09/07/1991	P.HC-TH (VPĐKĐĐ tỉnh)	Không	79,5		79,5	
31	HC31	Nguyễn Thị	Thanh		18/01/1982	P.HC-TH (VPĐKĐĐ tỉnh)	Bộ phận HC-TH (CN VPĐKĐĐ h. Đồng Phú)	74		74	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Đơn vị dự tuyển		Số điểm bài thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ	Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2				
32	HC32	Trần Thị Thanh Thảo		18/05/1982	P.HC-TH (VPĐKĐĐ tỉnh)	Bộ phận HC-TH (CN VPĐKĐĐ TP. Đồng Xoài)	86		86	
33	HC33	Nguyễn Xuân Thảo	30/05/1990		Tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận HC-TH (CN VPĐKĐĐ TX Bình Long)	Không	69		69	
34	HC34	Trần Thanh Thuý		14/06/1977	Bộ phận HC-TH (CN VPĐKĐĐ TP. Đồng Xoài)	Không	77	5	82	Dân tộc thiểu số
35	HC35	Tô Thị Trang		21/09/1989	Bộ phận HC-TH (CN VPĐKĐĐ TP. Đồng Xoài)	Không	69		69	
36	HC36	Trương Hữu Trung	06/11/1980		Bộ phận HC-TH (CN VPĐKĐĐ TP. Đồng Xoài)	Không	73		73	

Danh sách này có 36 thí sinh./.



VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI
TỈNH BÌNH PHƯỚC
HỘI ĐỒNG KIỂM TRA, SÁT HẠCH 184

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**DANH SÁCH PHÒNG THI VÒNG 2 KỲ TIẾP NHẬN VÀO LÀM VIÊN CHỨC
TẠI VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH BÌNH PHƯỚC NĂM 2024**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 23 /QĐ-HĐ184 ngày 06/11/2024 của Hội đồng kiểm tra, sát hạch 184)

Vị trí việc làm: Kế toán viên
(Phòng thi số 01)

TT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Đơn vị dự tuyển		Số điểm bài thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
				Nam	Nữ	Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2				
1	KT01	Nguyễn Thị	Hải		16/7/1982	Bộ phận HC-TH (CN VPĐKĐĐ h.Bù Gia Mập)	Không	73		73	
2	KT02	Nguyễn Thị	Hương		29/01/1985	Bộ phận HC-TH (CN VPĐKĐĐ TP Đồng Xoài)	Không	73		73	
3	KT03	Trần Thị	Là		10/11/1990	Bộ phận HC-TH (CN VPĐKĐĐ TX Chơn Thành)	Không	76	1,5	77,5	UV BCH Công đoàn cơ sở
4	KT04	Lâm Thị Thu	Nguyên		04/12/1994	Bộ phận HC-TH (CN VPĐKĐĐ TX Phước Long)	Bộ phận HC-TH (CN VPĐKĐĐ h.Bù Gia Mập)	74		74	
5	KT05	Phạm Thanh	Quyết		20/05/1984	Bộ phận HC-TH (CN VPĐKĐĐ TP Đồng Xoài)	Không	73	5	78	Con thương binh hạng 3/4
6	KT06	Phạm Thị Hương	Thom		16/01/1989	Bộ phận HC-TH (CN VPĐKĐĐ h.Bù Đăng)	Không	72		72	
7	KT07	Vũ Thị	Trang		03/10/1988	P.HC-TH (VPĐKĐĐ tỉnh)	Không	85		85	
8	KT08	Trần Thị Hải	Yến		13/10/1992	Bộ phận HC-TH (CN VPĐKĐĐ h.Hớn Quản)	Không	85		85	

Danh sách này có 08 thí sinh./.

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

TỈNH BÌNH PHƯỚC

HỘI ĐỒNG KIỂM TRA, SÁT HẠCH 184

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH PHÒNG THI VÒNG 2 KỲ TIẾP NHẬN VÀO LÀM VIÊN CHỨC
TẠI VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH BÌNH PHƯỚC NĂM 2024**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 23 /QĐ-HĐ184 ngày 06/11/2024 của Hội đồng kiểm tra, sát hạch 184)

Vị trí việc làm: Chuyên viên Công nghệ thông tin

(Phòng thi số 01)

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Đơn vị dự tuyển		Số điểm bài thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2				
1	CN01	Trần Đình Bảo	10/07/1987		Phòng CSDL< (VPĐKĐĐ tỉnh)	Bộ phận HCTH (CN VPĐKĐĐ h.Đồng Phú)	83		83	
2	CN02	Lê Nhật Huy	02/01/1990		Bộ phận HC-TH (CN VPĐKĐĐ h.Lộc Ninh)	Không	79		79	
3	CN03	Trần Thị Mai Phương		03/07/1990	Phòng CSDL< (VPĐKĐĐ tỉnh)	Bộ phận HC-TH (Chi nhánh Đồng Xoài)	83		83	
4	CN04	Chu Kim Thành	25/12/1991		Phòng CSDL< (VPĐKĐĐ tỉnh)	Không	81		81	

Danh sách này có 04 thí sinh./.



VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI
TỈNH BÌNH PHƯỚC
HỘI ĐỒNG KIỂM TRA, SÁT HẠCH 184

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH PHÒNG THI VÒNG 2 KỲ TIẾP NHẬN VÀO LÀM VIÊN CHỨC
TẠI VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH BÌNH PHƯỚC NĂM 2024**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 23 /QĐ-HĐ184 ngày 06/11/2024 của Hội đồng kiểm tra, sát hạch 184)

Vị trí việc làm: Địa chính viên hạng III
(Phòng thi số 02)

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Đơn vị dự tuyển		Số điểm bài thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ	Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2				
1	ĐC01	Nguyễn Đình An	25/11/1985		BP.ĐK&CGCN (CN VPĐKĐĐ h.Đồng Phú)	P.ĐK&CGCN (VPĐKĐĐ tỉnh)	71		71	
2	ĐC02	Lê Duy An	15/04/1986		BP.ĐK&CGCN (CN VPĐKĐĐ h.Phú Riềng)	Không	70		70	
3	ĐC03	Nguyễn Văn Anh	07/07/1985		BP.ĐK&CGCN (CN VPĐKĐĐ h.Đồng Phú)	BP.ĐK&CGCN (CN VPĐKĐĐ TP Đồng Xoài)	74		74	
4	ĐC04	Hồ Thanh Bình	20/7/1977		BP. TTLT (CN VPĐKĐĐ h.Đồng Phú)	Không	57	5	62	Con thương binh
5	ĐC05	Lê Đức Chiến	15/11/1982		BP. TTLT (CN VPĐKĐĐ TX Bình Long)	BP. TTLT (CN VPĐKĐĐ h.Hớn Quản)	70		70	
6	ĐC06	Trần Hùng Duẩn	10/02/1990		BP.ĐK&CGCN (CN VPĐKĐĐ h.Phú Riềng)	Không	82		82	
7	ĐC07	Đào Mạnh Duy	04/11/1988		BP.ĐK&CGCN (CN VPĐKĐĐ h.Bù Đăng)	Không	74		74	
8	ĐC08	Vũ Văn Điệp	07/06/1986		BP.ĐK&CGCN (CN VPĐKĐĐ TX Phước Long)	BP.ĐK&CGCN (CN VPĐKĐĐ h.Phú Riềng)	69	1,5	70,5	UV BCH Công đoàn cơ sở
9	ĐC09	Lê Văn Chúc Em	15/10/1990		BP.ĐK&CGCN (CN VPĐKĐĐ h.Lộc Ninh)	BP.ĐK&CGCN (CN VPĐKĐĐ h.Bù Đốp)	70		70	
10	ĐC10	Phạm Thị Hương Giang		30/05/1994	P.ĐK&CGCN (VPĐKĐĐ tỉnh)	BP.ĐK&CGCN (CN VPĐKĐĐ TP Đồng Xoài)	68		68	
11	ĐC11	Trần Nam Giang	05/03/1983		BP. TTLT (CN VPĐKĐĐ h.Đồng Phú)	BP. TTLT (CN VPĐKĐĐ h.Phú Riềng)	71		71	
12	ĐC12	Hoàng Thị Giang		03/02/1984	BP.ĐK&CGCN (CN VPĐKĐĐ TP Đồng Xoài)	Không	64	1,5	65,5	UV BCH Công đoàn cơ sở
13	ĐC13	Lê Phú Hà	01/07/1987		BP.ĐK&CGCN (CN VPĐKĐĐ TP Đồng Xoài)	Không	72		72	
14	ĐC14	Lê Quang Hạnh	10/03/1983		BP.ĐK&CGCN (CN VPĐKĐĐ TX Phước Long)	BP.ĐK&CGCN (CN VPĐKĐĐ huyện Bù Gia Mập)	65		65	
15	ĐC15	Cao Thế Hiệp	02/11/1984		P.ĐK&CGCN (VPĐKĐĐ tỉnh)	BP.ĐK&CGCN (CN VPĐKĐĐ TP Đồng Xoài)	79		79	
16	ĐC16	Nguyễn Tri Hiếu	04/10/1994		BP.ĐK&CGCN (CN VPĐKĐĐ h.Phú Riềng)	Không	71		71	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Đơn vị dự tuyển		Số điểm bài thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
				Nam	Nữ	Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2				
17	ĐC17	Ngô Thị Mỹ	Hoà		20/02/1991	P.ĐK&CGCN (VPĐKĐĐ tỉnh)	Không	72		72	
18	ĐC18	Trần Văn	Hòa	29/10/1995		BP.ĐK&CGCN (CN VPĐKĐĐ h.Phú Riềng)	Không	70		70	
19	ĐC19	Nguyễn Thị Thu	Hoài		16/5/1990	BP.ĐK&CGCN (CN VPĐKĐĐ h.Đồng Phú)	BP.ĐK&CGCN (CN VPĐKĐĐ TP Đồng Xoài)	86	1,5	87,5	UV BCH Công đoàn cơ sở
20	ĐC20	Đinh Thị	Huê		31/10/1993	BP.ĐK&CGCN (CN VPĐKĐĐ h.Bù Đốp)	Không	75	1,5	76,5	UV BCH Công đoàn cơ sở
21	ĐC21	Trần Mạnh	Hùng	15/02/1991		BP.ĐK&CGCN (CN VPĐKĐĐ h.Bù Đăng)	Không	55	5	60	Dân tộc thiểu số
22	ĐC22	Nguyễn Thị	Hường		07/10/1986	BP.TTLT (CN VPĐKĐĐ TX Chơn Thành)	BP.TTLT (CN VPĐKĐĐ h.Hớn Quản)	60	1,5	61,5	UV BCH Công đoàn cơ sở
23	ĐC23	Nguyễn Thị	Hường		16/4/1992	BP. TTLT (CN VPĐKĐĐ h.Đồng Phú)	BP. TTLT (CN VPĐKĐĐ TP Đồng Xoài)	75		75	
24	ĐC24	Trần Văn	Hướng	30/01/1989		P.ĐK&CGCN (VPĐKĐĐ tỉnh)	Không	89		89	
25	ĐC25	Lê Văn	Kiên	28/12/1994		BP.ĐK&CGCN (CN VPĐKĐĐ TX Phước Long)	P.ĐK&CGCN (VPĐKĐĐ tỉnh)	81		81	
26	ĐC26	Nguyễn Khang	Khoa	16/10/1986		BP. TTLT (CN VPĐKĐĐ h.Phú Riềng)	Không	56	2,5	58,5	Người tham gia nghĩa vụ quân sự theo QĐ số 39 ngày 28/2/2008 của Quân khu Thủ đô Hà Nội
27	ĐC27	Nguyễn Thị Ngọc	Liên		04/02/1986	P.ĐK&CGCN (VPĐKĐĐ tỉnh)	Không	70		70	
28	ĐC28	Nguyễn Thị Hồng	Linh		19/5/1989	BP. TTLT (CN VPĐKĐĐ h.Đồng Phú)	BP. TTLT (CN VPĐKĐĐ TP Đồng Xoài)	75		75	
29	ĐC29	Trần Thị Ngọc	Mai		13/07/1991	P.ĐK&CGCN (VPĐKĐĐ tỉnh)	Không	62		62	
30	ĐC30	Dương Ngọc	Minh	12/08/1989		P.PTQĐ (VPĐKĐĐ tỉnh)	Không	73		73	
31	ĐC31	Lê Thị	Minh		24/9/1983	BP.ĐK&CGCN (CN VPĐKĐĐ h.Đồng Phú)	BP.ĐK&CGCN (CN VPĐKĐĐ TP Đồng Xoài)	80		80	
32	ĐC32	Phạm Văn	Minh	24/06/1985		BP.ĐK&CGCN (CN VPĐKĐĐ h.Bù Đăng)	Không	60		60	
33	ĐC33	Đỗ Giang	Nam	11/06/1992		BP.TTLT (CN VPĐKĐĐ h.Bù Gia Mập)	Không	71		71	
34	ĐC34	Nguyễn Thị Thủy	Nga		23/5/1990	BP.ĐK&CGCN (CN VPĐKĐĐ TX Chơn Thành)	BP.ĐK&CGCN (CN VPĐKĐĐ h.Hớn Quản)	70		70	
35	ĐC35	Cao Thị	Nga		05/05/1982	BP. TTLT (CN VPĐKĐĐ h.Bù Đăng)	Không	54		54	
36	ĐC36	Lê Thị Như	Ngọc		26/4/1992	BP.TTLT (CN VPĐKĐĐ TX Chơn Thành)	BP.TTLT (CN VPĐKĐĐ h.Hớn Quản)	69		69	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Đơn vị dự tuyển		Số điểm bài thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
				Nam	Nữ	Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2				
37	ĐC37	Trần Xuân Cát	Ngọc		10/06/1994	BP.ĐK&CGCN (CN VPĐKĐĐ h.Đồng Phú)	BP.ĐK&CGCN (CN VPĐKĐĐ TP Đồng Xoài)	74		74	
38	ĐC38	Nguyễn Thị Yên	Nhi		23/09/1989	P.ĐK&CGCN (VPĐKĐĐ tỉnh)	BP.ĐK&CGCN (CN VPĐKĐĐ TP Đồng Xoài)	76		76	
39	ĐC39	Phạm Thị	Nhung		14/6/1989	BP.TTLT (CN VPĐKĐĐ TX Chơn Thành)	P.CSDL< (VPĐKĐĐ tỉnh)	78		78	
40	ĐC40	Trần Trọng	Phước	15/01/1983		BP.ĐK&CGCN (CN VPĐKĐĐ h.Bù Đốp)	Không	62		62	
41	ĐC41	Trương Thị Thúy	Phượng		06/09/1991	BP.ĐK&CGCN (CN VPĐKĐĐ TX Phước Long)	BP.ĐK&CGCN (CN VPĐKĐĐ huyện Bù Gia Mập)	72		72	
42	ĐC42	Nguyễn Huỳnh Khánh	Quốc	02/09/1992		BP. TTLT (CN VPĐKĐĐ h.Bù Đăng)	Không	67		67	
43	ĐC43	Nguyễn Thị	Quý		02/11/1989	P.ĐK&CGCN (VPĐKĐĐ tỉnh)	BP.ĐK&CGCN (CN VPĐKĐĐ h.Đồng Phú)	70		70	
44	ĐC44	Nguyễn Thế	Quyền	04/01/1998		BP.TTLT (CN VPĐKĐĐ TX Phước Long)	P.ĐK&CGCN (VPĐKĐĐ tỉnh)	73		73	
45	ĐC45	Đình Đức	Song	09/02/1975		BP.TTLT (CN VPĐKĐĐ h.Lộc Ninh)	Không	65		65	
46	ĐC46	Huỳnh Ngọc	Sơn	03/03/1990		BP. TTLT (CN VPĐKĐĐ h.Phú Riềng)	Không	72,5	1,5	74	UV BCH Công đoàn cơ sở
47	ĐC47	Dương Thị Thanh	Tâm		15/01/1988	BP.TTLT (CN VPĐKĐĐ h.Lộc Ninh)	Không	65		65	
48	ĐC48	Đỗ Văn	Tân	28/02/1982		P.CSDL< (VPĐKĐĐ tỉnh)	Không	69,5	5	74,5	Con thương binh
49	ĐC49	Trần Thị Xuân	Tiên		06/03/1991	BP.TTLT (CN VPĐKĐĐ TX Phước Long)	BP.ĐK&CGCN (CN VPĐKĐĐ huyện Bù Gia Mập)	79		79	
50	ĐC50	Trần Văn	Tiến	23/10/1991		BP. TTLT (CN VPĐKĐĐ h.Phú Riềng)	Không	77		77	
51	ĐC51	Nguyễn Huỳnh Anh	Tuấn	30/9/1991		BP.ĐK&CGCN (CN VPĐKĐĐ TX Chơn Thành)	BP.ĐK&CGCN (CN VPĐKĐĐ h.Hớn Quản)	74		74	
52	ĐC52	Trần Thị Ánh	Tuyết		03/03/1993	P.PTQĐ (VPĐKĐĐ tỉnh)	Không	68		68	
53	ĐC53	Nguyễn Thị	Tuyết		26/10/1984	BP.ĐK&CGCN (CN VPĐKĐĐ h.Lộc Ninh)	BP.ĐK&CGCN (CN VPĐKĐĐ TX Bình Long)	71,5		71,5	
54	ĐC54	Trần Văn	Tường	30/04/1982		P.CSDL< (VPĐKĐĐ tỉnh)	BP.TT-LT (CN VPĐKĐĐ TP Đồng Xoài)	71		71	
55	ĐC55	Nguyễn Gia	Thạch	19/03/1990		BP.ĐK&CGCN (CN VPĐKĐĐ h.Phú Riềng)	Không	70		70	
56	ĐC56	Nguyễn Thiên	Thắng	15/02/1990		BP.ĐK&CGCN (CN VPĐKĐĐ h.Bù Đăng)	Không	65		65	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Đơn vị dự tuyển		Số điểm bài thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ	Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2				
57	ĐC57	Vũ Đức Thịnh	19/05/1995		BP.ĐK&CGCN (CN VPĐKĐĐ h.Hơn Quán)	BP.ĐK&CGCN (CN VPĐKĐĐ TX Chơn Thành)	70		70	
58	ĐC58	Bùi Ngọc Thu	03/08/1971		P.PTQĐ (VPĐKĐĐ tỉnh)	Không	72		72	
59	ĐC59	Nguyễn Thị Thùy		19/05/1993	BP.TTLT (CN VPĐKĐĐ h.Bù Đốp)	Không	69		69	
60	ĐC60	Mai Thị Bích Thủy		24/8/1993	BP.ĐK&CGCN (CN VPĐKĐĐ h.Đồng Phú)	BP.ĐK&CGCN (CN VPĐKĐĐ TX Phước Long)	73		73	
61	ĐC61	Lê Thị Thủy		05/07/1988	BP.TTLT (CN VPĐKĐĐ h.Bù Gia Mập)	BP.TTLT (CN VPĐKĐĐ TX Phước Long)	73		73	
62	ĐC62	Nguyễn Thị Thu Thủy		05/07/1990	BP.ĐK&CGCN (CN VPĐKĐĐ TX Chơn Thành)	BP.ĐK&CGCN (CN VPĐKĐĐ h.Hơn Quán)	66		66	
63	ĐC63	Hoàng Văn Thực	20/04/1990		BP.ĐK&CGCN (CN VPĐKĐĐ h.Bù Đăng)	Không	71	5	76	Dân tộc thiểu số
64	ĐC64	Nguyễn Hà Trang		12/10/1990	P.ĐK&CGCN (VPĐKĐĐ tỉnh)	Không	61		61	
65	ĐC65	Nông Thị Trang		14/9/1978	BP. TTLT (CN VPĐKĐĐ h.Đồng Phú)	Không	50,5	5	55,5	Dân tộc thiểu số
66	ĐC66	Ngô Thị Huyền Trang		28/12/1991	BP.ĐK&CGCN (CN VPĐKĐĐ h.Đồng Phú)	Không	69		69	
67	ĐC67	Nguyễn Thị Thùy Trang		24/04/1983	BP. ĐK&cGCN (CN VPĐKĐĐ TX Bình Long)	BP. ĐK&cGCN (CN VPĐKĐĐ h.Hơn Quán)	67	1,5	68,5	UV BCH Công đoàn cơ sở
68	ĐC68	Lương Quốc Trọng	15/10/1991		BP.ĐK&CGCN (CN VPĐKĐĐ h.Bù Đăng)	Không	68		68	
69	ĐC69	Nguyễn Thành Trung	17/11/1989		BP.ĐK&CGCN (CN VPĐKĐĐ h.Lộc Ninh)	BP.ĐK&CGCN (CN VPĐKĐĐ h.Bù Đốp)	69		69	
70	ĐC70	Nguyễn Thị Tuyết Vân		10/02/1994	BP.ĐK&CGCN (CN VPĐKĐĐ h.Bù Gia Mập)	Không	71		71	TỈNH BÌNH DƯƠNG
71	ĐC71	Nguyễn Thị Vân		01/02/1992	BP.ĐK&CGCN (CN VPĐKĐĐ h.Bù Gia Mập)	Không	74,5		74,5	
72	ĐC72	Tô Văn Vinh	02/09/1986		BP.ĐK&CGCN (CN VPĐKĐĐ h.Bù Đăng)	Không	69		69	
73	ĐC73	Nguyễn Đoàn Anh Vũ	24/04/1985		BP. ĐK&cGCN (CN VPĐKĐĐ TX Bình Long)	BP. ĐK&cGCN (CN VPĐKĐĐ h.Hơn Quán)	62		62	
74	ĐC74	Lê Thị Thanh Xuân		20/11/1984	BP. TTLT (CN VPĐKĐĐ h.Đồng Phú)	Không	64	5	69	Con thương binh
75	ĐC75	Vũ Hải Yến		28/6/1993	BP.ĐK&CGCN (CN VPĐKĐĐ h.Đồng Phú)	Không	68		68	
76	ĐC76	Tiền Kim Yến		31/01/1995	BP.ĐK&CGCN (CN VPĐKĐĐ h.Phú Riêng)	Không	69		69	
77	ĐC77	Phạm Thị Yến		27/5/1995	BP.ĐK&CGCN (CN VPĐKĐĐ h.Bù Gia Mập)	Không	75		75	

Danh sách này có 77 thí sinh./.

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI
TỈNH BÌNH PHƯỚC
HỘI ĐỒNG KIỂM TRA, SÁT HẠCH 184

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH PHÒNG THI VÒNG 2 KỲ TIẾP NHẬN VÀO LÀM VIÊN CHỨC
TẠI VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH BÌNH PHƯỚC NĂM 2024**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 23 /QĐ-HĐ184 ngày 06/11/2024 của Hội đồng kiểm tra, sát hạch 184)

Vị trí việc làm: Đo đạc bản đồ viên hạng III
(Phòng thi số 03)

TT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Đơn vị dự tuyển		Số điểm bài thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
				Nam	Nữ	Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2				
1	ĐĐ01	Bùi Quốc	Bảo	14/03/1992		BP. ĐĐBĐ (CN VPĐKĐĐ h. Bù Đang)	Không	68		68	
2	ĐĐ02	Huỳnh Ngọc	Cương	21/3/1988		BP. ĐĐBĐ (CN VPĐKĐĐ h. Bù Gia Mập)	Không	75	1,5	76,5	UV BCH Công đoàn cấp sở
3	ĐĐ03	Trần Hữu	Cường	06/12/1986		BP. ĐĐBĐ (CN VPĐKĐĐ h. Đồng Phú)	Không	63		63	
4	ĐĐ04	Nguyễn Văn	Dũng	06/07/1987		BP. ĐĐBĐ (CN VPĐKĐĐ h. Phú Riềng)	Không	69,5	5	74,5	Con binh
5	ĐĐ05	Vũ Văn	Đán	11/10/1982		BP. ĐĐBĐ (CN VPĐKĐĐ h. Hớn Quản)	Không	68		68	
6	ĐĐ06	Lê Văn	Đinh	10/02/1984		BP. ĐĐBĐ (CN VPĐKĐĐ TP Đồng Xoài)	Không	68		68	
7	ĐĐ07	Bùi Bình	Đông	15/12/1983		BP. ĐĐBĐ (CN VPĐKĐĐ h. Đồng Phú)	BP. ĐĐBĐ (CN VPĐKĐĐ TP Đồng Xoài)	68,5		68,5	
8	ĐĐ08	Nguyễn Trường	Giang	03/01/1980		Đội ĐĐBĐ (VPĐKĐĐ tỉnh)	Không	67		67	
9	ĐĐ09	Lê Đình	Hai	10/10/1980		BP. ĐĐBĐ (CN VPĐKĐĐ TP Đồng Xoài)	Không	68,5		68,5	
10	ĐĐ10	Lê Văn	Hạnh	10/07/1983		BP. ĐĐBĐ (CN VPĐKĐĐ TX Chơn Thành)	BP. ĐĐBĐ (CN VPĐKĐĐ h. Hớn Quản)	62		62	
11	ĐĐ11	Đỗ Ngọc	Hiếu	02/04/1985		BP. ĐĐBĐ (CN VPĐKĐĐ h. Đồng Phú)	Không	71		71	
12	ĐĐ12	Lê Hồng	Hiếu	18/09/1986		BP. ĐĐBĐ (CN VPĐKĐĐ TX Phước Long)	BP. ĐĐBĐ (CN VPĐKĐĐ h. Bù Gia Mập)	83		83	
13	ĐĐ13	Nguyễn Văn	Hoàn	20/5/1983		BP. ĐĐBĐ (CN VPĐKĐĐ h. Đồng Phú)	Không	66		66	
14	ĐĐ14	Vũ Hà Duy	Hoàng	17/5/1990		BP. ĐĐBĐ (CN VPĐKĐĐ h. Đồng Phú)	Không	72		72	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Đơn vị dự tuyển		Số điểm bài thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
				Nam	Nữ	Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2				
15	ĐĐ15	Võ Văn	Hoàng	28/01/1985		BP. ĐĐBĐ (CN VPĐKKĐĐ h. Phú Riêng)	Không	69,5		69,5	
16	ĐĐ16	Hồ Văn	Hồng	10/09/1988		BP. ĐĐBĐ (CN VPĐKKĐĐ h.Hớn Quản)	Không	77		77	
17	ĐĐ17	Nguyễn Tiến	Hùng	10/01/1985		BP. ĐĐBĐ (CN VPĐKKĐĐ h. Phú Riêng)	Không	74,5	5	79,5	Con thương bình
18	ĐĐ18	Nguyễn Văn	Liều	15/08/1987		BP. ĐĐBĐ (CN VPĐKKĐĐ h. Phú Riêng)	Không	71		71	
19	ĐĐ19	Vũ Tam	Mạnh	01/01/1982		BP. ĐĐBĐ (CN VPĐKKĐĐ h.Đồng Phú)	Không	60		60	
20	ĐĐ20	Nguyễn Văn	Minh	10/09/1986		BP. ĐĐBĐ (CN VPĐKKĐĐ TP Đồng Xoài)	Không	62	5	67	Con thương bình hạng 3/4
21	ĐĐ21	Nguyễn Hoàng	Nam	01/11/1991		BP. ĐĐBĐ (CN VPĐKKĐĐ h.Hớn Quản)	BP. ĐĐBĐ (CN VPĐKKĐĐ TX Bình Long)	73		73	
22	ĐĐ22	Phạm Ngọc	Quyết	28/5/1985		BP. ĐĐBĐ (CN VPĐKKĐĐ h.Đồng Phú)	Không	64	5	69	Con thương bình
23	ĐĐ23	Phạm Hoài	Sơn	19/6/1991		BP. ĐĐBĐ (CN VPĐKKĐĐ TX Chơn Thành)	BP. ĐĐBĐ (CN VPĐKKĐĐ h.Hớn Quản)	62		62	
24	ĐĐ24	Cao Trường	Sơn	15/10/1993		BP. ĐĐBĐ (CN VPĐKKĐĐ h. Bù Đang)	Không	65		65	
25	ĐĐ25	Chu Văn	Sơn	10/06/1984		BP. ĐĐBĐ (CN VPĐKKĐĐ TP Đồng Xoài)	Không	69		69	
26	ĐĐ26	Phạm Ngọc	Tân	15/5/1994		BP. ĐĐBĐ (CN VPĐKKĐĐ TX Chơn Thành)	BP. ĐĐBĐ (CN VPĐKKĐĐ h.Hớn Quản)	71,5		71,5	
27	ĐĐ27	Phạm Văn	Tân	21/08/1984		BP. ĐĐBĐ (CN VPĐKKĐĐ TP Đồng Xoài)	Không	69		69	
28	ĐĐ28	Trần Nhật	Tiến	25/05/1993		BP. ĐĐBĐ (CN VPĐKKĐĐ h. Bù Đang)	Không	74	1,5	75,5	UV BCH Công đoàn cơ sở
29	ĐĐ29	Hồ Sỹ	Tiến	05/07/1983		BP. ĐĐBĐ (CN VPĐKKĐĐ h.Bù Gia Mập)	Không	71		71	
30	ĐĐ30	Trần Mạnh	Tiến	19/08/1988		BP. ĐĐBĐ (CN VPĐKKĐĐ TP Đồng Xoài)	Không	73		73	
31	ĐĐ31	Bùi Văn	Tuyên	21/4/1972		BP. ĐĐBĐ (CN VPĐKKĐĐ h.Đồng Phú)	Không	62	2,5	64,5	Đã tham gia nhập ngũ từ 9/1991 đến 5/1994

TT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Đơn vị dự tuyển		Số điểm bài thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
				Nam	Nữ	Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2				
32	ĐĐ32	Trương Dương	Thanh	29/4/1992		BP. ĐĐBĐ (CN VPĐKĐĐ TX Chơn Thành)	Không	71		71	
33	ĐĐ33	Nguyễn Văn	Thảo	23/11/1989		BP. ĐĐBĐ (CN VPĐKĐĐ h. Đồng Phú)	Không	79		79	
34	ĐĐ34	Đỗ Văn	Thắng		17/02/1992	BP. ĐĐBĐ (CN VPĐKĐĐ TX Bình Long)	BP. ĐĐBĐ (CN VPĐKĐĐ h.Hớn Quản)	72		72	
35	ĐĐ35	Trần Quốc	Thuận	25/08/1995		BP. ĐĐBĐ (CN VPĐKĐĐ h.Hớn Quản)	Không	64		64	
36	ĐĐ36	Nguyễn Thành	Trọng	14/02/1985		BP. ĐĐBĐ (CN VPĐKĐĐ h.Bù Đốp)	Không	67		67	
37	ĐĐ37	Đặng Minh	Trung	30/11/1982		P.CSDL< (VPĐKĐĐ tỉnh)	Không	73,5		73,5	
38	ĐĐ38	Nguyễn Thín	Trung	18/02/1993		BP. ĐĐBĐ (CN VPĐKĐĐ TX Chơn Thành)	Không	68	1,5	69,5	UV BCH Công đoàn cơ sở
39	ĐĐ39	Châu Minh	Vũ	19/04/1991		Đội ĐĐBĐ (VPĐKĐĐ tỉnh)	BP. ĐĐBĐ (CN VPĐKĐĐ h.Đồng Phú)	76		76	

Danh sách này có 39 thí sinh./.

THÀNH BÍNH